

Bản án số: 987/2020/HC-ST

Ngày: 14/7/2020

V/v KH1 kiện quyết định hành
chính trong quản lý đất đai về
thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái
định cư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhung

2. Bà Phạm Đức My T2

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 6 và 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã T4 hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 299/2019/HCST ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc “KH1 kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2425/2020/QĐXXST-HC ngày 13 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 5270/2020/QĐST-HC ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 6302/2020/QĐST-HC ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Công T**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 39 Đường số 22, phường L, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Luật sư Vũ Huyền T2 – Văn phòng Luật sư Vũ Huyền T2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận T1.

Địa chỉ: Số 43 đường Nguyễn Văn Bá, phường B, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Hữu Anh T3, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T1 (Giấy ủy quyền số 5029/GUQ-UBND cùng ngày 13/11/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Thanh H, Chức vụ: Phó Trưởng Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận T1;

- Ông Nguyễn Hữu T4, Chức vụ: Nhân viên Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận T1;

- Ông Nguyễn Trí Đức, Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận T1;

- Ông Phạm Quang H1, Chức vụ: Công chức Địa chính – Xây dựng – Đô thị và Môi trường của Ủy ban nhân dân phường L quận T1.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thái Thị Mỹ L**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 39 Đường số 22, phường L, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nhà – đất tọa lạc tại địa chỉ 17/7 ấp Bình Quới 2 (nay là 39 và 39/1 Đường 22), phường L, quận T1, theo các giấy chứng nhận diện tích được thể hiện như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh số hồ sơ gốc 1831/2000 ngày 07/03/2000 (gọi Giấy 1831/2000), diện tích đất ở được công nhận 439m² thuộc thửa 618, tờ bản đồ số 2 Bộ địa chính xã L, huyện T1; Diện tích nhà ở 159,12m², diện tích xây dựng 78,46m².

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số hồ sơ gốc 22781/2002 ngày 26/12/2002 (gọi Giấy 22781/2000), diện tích đất ở được công nhận 200m² thuộc thửa 656, tờ bản đồ số 2 Bộ địa chính xã L, huyện T1; Diện tích nhà ở 150,66m², diện tích xây dựng 70m².

Ngày 09/03/2016, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Ủy ban Thành phố) ban hành Văn bản số 951/UBND-ĐTMT về việc chấp thuận chủ trương thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1 tại quận T1 (gọi Dự án tuyến đường kết nối đường Phạm Văn Đồng).

Ngày 07/8/2017, Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định số 4192/QĐ-UBND về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ và mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm của Dự án tuyến đường kết nối đường Phạm Văn Đồng.

Ngày 07/11/2017, Hội đồng bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng của Dự án (gọi Hội đồng bồi thường) ban hành Phương án số 57/PA-HĐBT (gọi Phương án 57/PA-HĐBT) và được phê duyệt theo Quyết định số 7101/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Ủy ban nhân dân quận T1 (gọi Ủy ban T1).

Ngày 11/6/2018, Ủy ban T1 ban hành Quyết định số 3376/QĐ-UBND (gọi Quyết định 3376/QĐ-UBND) về việc thu hồi diện tích đất 399,3m² (Khu đất) thuộc một phần thửa số 240, tờ bản đồ số 35 Bộ địa chính phường L quận T1 (theo tài liệu bản đồ địa chính năm 2004 của ông Nguyễn Công T – bà Nguyễn Thái Thị Mỹ L. Vị trí ranh giới Khu đất được xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 16/PG/2016 (LĐ-13) và Bản đồ hiện trạng vị trí số 16/PG/2016 (LĐ-14) do Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng - Đo đạc Phan Gia lập ngày 29/02/2016.

Ngày 12/6/2018, Ủy ban T1 ban hành Quyết định số 3383/QĐ-UBND (gọi Quyết định 3383/QĐ-UBND), kèm Phương án 348/PA-HĐBT ngày 15/5/2018 để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong Dự án tuyến đường kết nối đường Phạm Văn Đồng, cụ thể:

1. Giấy 1831/2000, bồi thường:
 - Đất ở: 218m² x 25.168.500 đồng = 5.486.733.000 đồng;
 - Đất nông nghiệp: 125.7m² x 3.610.000 đồng = 453.777.000 đồng;
2. Giấy 22781/2002, bồi thường:
 - Đất ở: 38.80m² x 25.168.500 đồng = 976.537.800 đồng;
 - Đất nông nghiệp: 16.8m² x 3.610.000 đồng = 60.648.000 đồng;
3. Nhà – vật kiến trúc: 1.156.978.298 đồng;
4. Tài sản khác: 11.800.000 đồng;
5. Hoa màu: 6.793.734 đồng;
6. Thưởng: 7.500.000 đồng.

Ngày 22/7/2019, Ủy ban T1 ban hành Quyết định số 4011/QĐ-UBND (Quyết định 4011/QĐ-UBND) kèm Phương án số 76/PA-HĐBT ngày 27/5/2019 về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ bổ sung tài sản gắn liền với đất cho ông T – bà L số tiền 151.664.324 đồng.

Không đồng ý Quyết định 3376/QĐ-UBND, Quyết định 3383/QĐ-UBND và Quyết định 4011/QĐ-UBND, ông T khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

** Tại Đơn khởi kiện ngày 28/5/2019; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/6/2019; Đơn khởi kiện bổ sung lần 2 ngày 24/7/2019; Đơn sửa đổi nội dung khởi kiện ngày 17/03/2020; Đơn khởi kiện bổ sung lần 2 ngày 12/5/2020; Bản Tự khai và Biên bản không T4 hành đối thoại được, người khởi kiện ông Nguyễn Công T trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Thái Mỹ L là vợ chồng. Tổng Khu đất có nguồn gốc mua năm 2000, gia đình ông sử dụng gần 20 năm, trong quá trình sử dụng đã chấp hành nghiêm túc chủ trương của Nhà nước về an toàn hành lang giao thông và quyền sử dụng đất, không lấn chiếm, không tranh chấp với những thửa đất liền kề. Theo các giấy chứng nhận trên thì nhà - đất 39 và 39/1 có tổng diện tích 727,6m², gồm 439m² được công nhận và 288,6m² không được công nhận vì nằm trong quy hoạch lộ giới. Thực tế phần diện tích không được công nhận đã được sử dụng làm nhà ở trước khi gia đình ông nhận chuyển nhượng cho đến nay, không pH là đất nông nghiệp.

Theo Quyết định 3376/QĐ-UBND, Ủy ban T1 xác định diện tích thu hồi đất để thực hiện Dự án tuyến đường kết nối đường Phạm Văn Đồng là 399,3m² là tH1. Năm 2005, Ủy ban phường L có chủ trương mở rộng nâng cấp Đường 22 và gia đình ông đã lùi vào tường rào với chiều ngang 1,2m cho cả bức tường, tổng diện tích là 60m². Việc lùi vào này Ủy ban phường L có lập biên bản ngày 23/03/2005. Trong biên bản ông có trình bày: “...Đây là phần tháo dỡ cuối cùng, nếu sau này có sự thay đổi cơ quan quản lý việc mở rộng pH đền bù. Diện tích đền bù pH được tính cho cả phần lùi vào lần này...”. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 16/PG/2016 (LĐ-13) và Bản đồ hiện trạng vị trí số 16/PG/2016 (LĐ-14) thì chiều dài bức tường bị cắt vào là (6,42m + 26,5m) x 1,2m = 39,504m². Như vậy, Tổng diện tích thu hồi đúng pH là 399,3m² + 39,504m² = 439,3m².

Quyết định 3383/QĐ-UBND, Ủy ban T1 tính bồi hường, hỗ trợ cho gia đình ông không thỏa đáng. Khu đất trên tại thời điểm bị thu hồi nằm ở vị trí lô góc 2 mặt tiền đường 22 có diện tích chiều rộng 25m, với giá thị trường hiện nay

là 40.000.000 đồng/m², Ủy ban Thành phố ban hành quyết định duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ không thỏa đáng, bất hợp lý và với đơn giá 25.168.500 đồng/m² không thể mua vị trí mặt tiền đường lộ giới 20m tại phường L, quận T1.

Quyết định 4011/QĐ-UBND tính bồi thường 50% đơn giá nhà và vật kiến trúc trên phần đất không được công nhận là không đúng vì nhà - vật kiến trúc đã được sử dụng và tồn tại trước năm 2000, phần đất này pH được công nhận và pH được bồi thường, hỗ trợ 100% đơn giá.

** Tại Văn bản số 5160/UBND-GPMB ngày 22/11/2019 và Văn bản số 2352/UBND-GPMB ngày 04/6/2020 người bị kiện Ủy ban nhân dân quận T1 có ý kiến như sau:*

Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án tuyến đường kết nối đường Phạm Văn Đồng được thực hiện theo Luật Đất đai 2013; Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thành phố và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong Quyết định 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015, không quy định việc tính bồi thường, hỗ trợ cho trường hợp xây dựng nhà, công trình, vật kiến trúc trên đất nông nghiệp. Để giảm bớt thiệt hại cho người có đất bị thu hồi, Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố đã đề xuất Ủy ban Thành phố về chính sách hỗ trợ đối với nhà – vật kiến trúc xây dựng trên đất nông nghiệp theo Văn bản số 600/HĐTĐBT ngày 05/10/2018. Ngày 21/02/2019 Ủy ban Thành phố ban hành Văn bản số 586/UBND-ĐT về việc chấp thuận chủ trương thực hiện chính sách hỗ trợ đối với nhà, công trình, vật kiến trúc xây dựng trên đất nông nghiệp. Từ cơ sở này Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố ban hành Văn bản số 97/HĐTĐBT ngày 06/03/2019 để hướng dẫn việc tính hỗ trợ đối với nhà, công trình, vật kiến trúc xây dựng trên đất nông nghiệp. Phần diện tích không được công nhận là đất ở của ông T xây dựng sau tháng 7/2003 và trước 01/7/2004 được tính 50% giá trị xây dựng.

Trình tự thủ tục thu hồi đất; tính bồi thường, hỗ trợ cho ông T – bà L, Ủy ban T1 đã thực hiện đúng quy định và thẩm quyền. Yêu cầu khởi kiện của ông T không có cơ sở đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thái Mỹ L trình bày:*

Toàn bộ diện tích đất 727,6m² đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà nằm trong các giấy chứng nhận trên, không pH là đất nông nghiệp. Trên giấy ghi phần diện tích không được công nhận là do nằm trong quy hoạch lộ giới. Mặc dù không được công nhận, nhưng thực tế đất đã đưa vào trước năm 2000. Liên quan đến áp giá đất ở; đất không được công nhận; vật kiến trúc xây dựng và phần diện

tích 39,504m², bà thống nhất với ông T. Bà yêu cầu Tòa án xem xét và bảo vệ quyền lợi cho gia đình bà.

Tại phiên tòa:

- Người khởi kiện ông Nguyễn Công T; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và có lời trình bày như sau:

Theo các giấy chứng nhận gia đình ông T được sử dụng 727,6m², với tổng diện tích này gia đình ông T sử dụng làm đất ở ổn định, liên tục lâu dài, không bị tranh chấp. Theo tài liệu Bản đồ 2004 do Ủy ban T1 cung cấp thì tổng diện tích đất theo các giấy chứng nhận thuộc thửa 240 là loại đất thổ vườn, vì vậy, phần diện tích không được công nhận pH được xác định đất ở, Ủy ban T1 xác định đất nông nghiệp là không đúng.

Phần diện tích 39,504m², theo Biên bản ngày 23/03/2005, thì hộ ông T bị thu hồi 1,2m x 60m diện tích đất để mở rộng đường 22, theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, việc thu hồi đất pH có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trong Biên bản có nội dung “...nếu sau này có sự thay đổi cơ quan quản lý việc mở rộng pH đền bù. Diện tích đền bù pH được tính cho cả phần lùi vào lần này...”. Như vậy, phần diện tích này có liên quan với Dự án tuyến đường kết nối đường Phạm Văn Đồng, cũng pH được xem xét bồi thường. Ủy ban T1 không đưa vào trong Biên bản kiểm điểm ngày ngày 18/5/2016 để cộng diện tích thu hồi cho hộ ông T là không đúng quy định.

Đơn giá Ủy ban T1 tính rất thấp so với giá thị trường tại thời điểm thu hồi, hộ ông T đã tham kham thảo giá là 40.000.000 đồng/m².

Đề nghị, hủy các quyết định bị kiện, buộc Ủy ban T1 tính diện tích thu hồi là 399,3m² + 39,504m² = 439,3m²; tính đơn giá bồi thường cho tổng diện tích thu hồi là 40.000.000 đồng/m² và bồi thường 100% nhà - vật kiến trúc.

- Người bị kiện Ủy ban T1 có ông Nguyễn Hữu Anh T3 đại diện vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L cùng ý kiến với ông T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Căn cứ Biên bản kiểm điểm ngày 18/5/2016 của Ban bồi thường; Giấy xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ ông T số 25/GXN-UBND ngày 28/03/2018; Bản đồ hiện trạng vị trí số 16/PG/2016 (LĐ-13) và Bản đồ hiện trạng vị trí số 16/PG/2016 (LĐ-14) do Công ty TNHH thương mại dịch vụ

xây dựng đo đạc Phan Gia lập ngày 29/02/2016; Phương án 57/PA-HĐBT và Luật Đất đai năm 2013 để ban hành các quyết định bị kiện trên.

Liên quan đến phần diện tích 39,504m², phần diện tích này được thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư công trình Nâng cấp và mở rộng đường liên khu phố 4, 7 phường L theo Quyết định số 309/QĐ-UB ngày 04/5/2004 của Ủy ban T1, theo quyết định này thì Ủy ban phường vận động nhân dân ủng hộ di dời, không bồi thường, hỗ trợ, Nhà nước và nhân dân cùng làm. Chủ trương này ông T có biết nên mới ký tên vào Biên bản ngày 23/03/2005 và bàn giao mặt bằng. Dự án đã thực hiện xong.

Toàn bộ yêu cầu của ông T không có cơ sở xem xét, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

* Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Các đương sự tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

* Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, yêu cầu của ông T không có cơ sở. Đề nghị, bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, người bị kiện là Ủy ban T1 có ông Nguyễn Hữu Anh T3 - Phó Chủ tịch Ủy ban T1 là người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Phạm Quang H1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Phạm Quang H1.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quyết định 3376/QĐ-UBND ngày 11/6/2018; Quyết định 3383/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 và Quyết định 4011/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 cùng của Ủy ban T1 ban hành là để thu hồi đất, giải quyết bồi thường, hỗ trợ khi thu

hồi đất cho hộ ông T. Các ngày 28/5; 10/6 và 24/7/2019, 12/5/2020 ông T có đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý. Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31; Khoản 4 Điều 32 và điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, các quyết định nêu trên là quyết định hành chính bị kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về thẩm quyền ban hành các Quyết định:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 thì việc ban hành quyết định thu hồi đất, công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân T1 là đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục.

[4] Về phần diện tích $39,504m^2$, ông T căn cứ vào Biên bản ngày 23/03/2005 do Ủy ban phường L lập yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban T1 pH tính cộng vào tổng diện tích đất bị thu hồi trong Dự án đường Phạm Văn Đồng là $399,3m^2 + 39,504m^2 = 439,3m^2$. Căn cứ Quyết định số 4993/QĐ-UB ngày 03/12/2002 của Ủy ban Thành phố về phê duyệt lộ giới (Chỉ giới đường đỏ) đợt 2 các tuyến đường có lộ giới từ 12m trở lên trên địa bàn 5 phường: B, L, Tam Bình, Tam Phú, Bình Chiểu – T1; Quyết định số 309/QĐ-UB ngày 04/5/2004 của Ủy ban T1 về duyệt dự án đầu tư công trình nâng cấp và mở rộng đường liên khu phố 4, 7 phường L và Biên bản ngày 23/03/2005 thì phần diện tích $39,504m^2$ ông T đã bàn giao để thực hiện Dự án mở đường 22 vào thời điểm năm 2005. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của ông T và Luật sư của ông T về việc buộc Ủy ban T1 tính cộng phần diện tích $39,504m^2$ vào tổng diện tích đất thu hồi trong Dự án tuyến đường kết nối đường Phạm Văn Đồng. Quyết định 3376/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của Ủy ban T1 thu hồi diện tích đất $339,3m^2$ của ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thái Mỹ L là đúng quy định.

[5] Căn cứ Biên bản kiểm điểm ngày 18/5/2016 của Ban bồi thường; Giấy xác nhận số 25/GXN-UBND ngày 28/03/2018 của Ủy ban phường L; Bản đồ hiện trạng vị trí số 16/PG/2016 (LĐ-13) và Bản đồ hiện trạng vị trí số 16/PG/2016 (LĐ-14) do Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng đo đạc Phan Gia lập ngày 29/02/2016 và Quyết định 3376/QĐ-UBND thì hộ ông T có đất bị thu hồi để thực hiện Dự án tuyến đường kết nối đường Phạm Văn Đồng là $399,3m^2$, trong đó: Nhà – đất tọa lạc 17/7 Ấp Bình Quới 2 (39/1 đường 22) của Giấy 1831/2000 là $343,70m^2$ và Nhà – đất tọa lạc 39 đường 22 của Giấy

22781/2002 là $55,60\text{m}^2$. Khu đất thuộc thửa 240 tờ bản đồ 35 Bộ địa chính phường L theo tài liệu bản đồ 2004.

[6] Theo Quyết định 3383/QĐ-UBND kèm Phương án số 348/PA-HĐBT, trong tổng diện tích bị thu hồi trên, Ủy ban T1 xác định loại đất để tính bồi thường, hỗ trợ như sau: Đất ở vị trí 1, mặt tiền đường 22 là $256,8\text{m}^2 \times 25.168.500$ đồng = 6.463.270.800 đồng và đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vị trí 1, mặt tiền đường là $142,50\text{m}^2 \times 3.610.000$ đồng = 514.425.000 đồng. Theo Giấy 22781/2002, phần diện tích nhà – đất được công nhận 38m^2 và phần diện tích không được công nhận $16,8\text{m}^2$; Giấy 1831/2000, phần diện tích nhà – đất được công nhận 218m^2 và phần diện tích không được công nhận $125,7\text{m}^2$. Theo quy định Luật Đất đai năm 2013 việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đều pH thực hiện theo quyết định thu hồi đất và các phương án đã được phê duyệt. Như đã viện dẫn, Khu đất trên của ông T và bà L có một phần được Nhà nước công nhận và một phần không được công nhận. Ủy ban T1 căn cứ vào Phương án 57/PA-HĐBT và các văn bản hướng dẫn có liên quan để giải quyết bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định.

[7] Yêu cầu của người khởi kiện và đề nghị của Luật sư không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở.

[9] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận nên pH chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của Khoản 1 Điều 31 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31, Khoản 4 Điều 32, a Khoản 2 Điều 116; điểm g Khoản 1 Điều 143; Khoản 1 Điều 158 và điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Khoản 1 Điều 31 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T về việc yêu cầu hủy các quyết định của Ủy ban nhân dân quận T1, cụ thể: Quyết định số 3376/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến Nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1 tại quận T1; Quyết định số 3383/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong Dự án xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến Nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1 tại quận T1; Quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ bổ sung trong Dự án xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến Nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1 tại quận T1.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Công T pH chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền ông T đã tạm nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0024625 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Công T đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phụng